

Bản án số: **125/2025/HNGĐ-ST**

Ngày: 20/3/2025

V/v: *Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn;*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN NAM TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Lệ Thủy.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Minh Thân; Bà Trần Thị Oanh;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Trang; Thư ký Toà án nhân dân quận Nam Từ Liêm.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thảo; Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân & Gia đình thụ lý số: 599/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2024, về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/02/2025 của Toà án nhân dân quận Nam Từ Liêm đối với các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Chu Văn C; Sinh năm 1980; Nơi đăng ký HKTT: số 21, tổ dân phố số 10, phường M, quận H, thành phố H; Địa chỉ nơi ở: Thôn L, xã Y, huyện C, tỉnh T; (*Ông C có mặt tại phiên tòa*)

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Bích P; Sinh năm 1980; Nơi đăng ký HKTT và nơi ở: số 21, tổ dân phố số 10, phường M, quận H, thành phố H; (*Bà P có mặt tại phiên tòa*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/11/2024 và bản tự khai ngày 03/01/2025 của ông Chu Văn C là Nguyên đơn; Tại bản tự khai ngày 27/12/2024 của bà Nguyễn Thị Bích P là Bị đơn; Quá trình giải quyết vụ án, ông C và bà P trình bày ý kiến như sau:

Về hôn nhân: Ông Chu Văn C và bà Nguyễn Thị Bích P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 04/01/2008 tại UBND xã Y, huyện C, tỉnh T. Trong quá trình C sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, không hạnh phúc do có quá nhiều bất đồng trong quan điểm sống. Đã nhiều lần vợ chồng cùng đưa các giải pháp để khắc phục mâu thuẫn nhưng không có kết quả, ông C đã về quê tại Thôn L, xã Y, huyện C, tỉnh T sinh sống

từ khoảng tháng 01/2023 cho đến nay, vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay. Ông C xác định không còn tình cảm với bà P, đề nghị Tòa án cho ông C được ly hôn với bà P, bà P đồng ý.

Về con C: Ông C và bà P có 02 con C là: Cháu Chu Khánh N, sinh ngày 17/10/2008 và Chu Mạnh H, sinh ngày 15/12/2012. Khi ly hôn, ông C và bà P thỏa thuận: Ông C nuôi cả 02 con cho đến khi các con đủ 18 tuổi, hoặc đến khi có quyết định thay thế khác. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông C không yêu cầu bà P cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông C và bà P tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ các vấn đề có tranh chấp trong vụ án, ngày 03/01/2025 Tòa án đã lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành các vấn đề có tranh chấp trong vụ án do các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án, cụ thể nội dung biên bản như sau:

- Về hôn nhân: Ông Chu Văn C và bà Nguyễn Thị Bích P thuận tình ly hôn.

- Về con C: Ông C và bà P có 02 con C là: Cháu Chu Khánh N, sinh ngày 17/10/2008 và Chu Mạnh H, sinh ngày 15/12/2012. Ly hôn, ông C và bà P thỏa thuận: Ông C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả 02 con cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định thay thế khác. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông C không yêu cầu bà P cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông C và bà P tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Ông C tự nguyện nộp cả án phí ly hôn sơ thẩm.

Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, nếu đương sự nào có thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận trên đây thì phải làm thành văn bản gửi cho Tòa án. Hết thời hạn này, mà không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận trên, thì Tòa án ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự và quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Ngày 07/01/2025 bà P có đơn thay đổi ý kiến thỏa thuận tại Biên bản hòa giải thành ngày 03/01/2025 của Tòa án, nội dung như sau:

“Ngày 03/01/2025 Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm đã mở phiên họp và hòa giải vụ án ly hôn giữa tôi và anh C. Theo biên bản hòa giải thành tại Tòa án, tôi và anh C đã thỏa thuận về việc thuận tình ly hôn và giao cả 02

con cho anh C nuôi dưỡng. Sau khi hòa giải tại Tòa án, tôi đã suy nghĩ lại và thay đổi ý kiến cụ thể như sau: Tôi muốn vợ chồng tôi quay về đoàn tụ và không muốn các con tôi không có bố mẹ, các con tôi cũng đưa ra ý kiến con không muốn bị tổn thương khi bố mẹ bỏ nhau, bố đã bị xa ngã và tự ý bỏ đi và không có trách nhiệm gì trong 02 năm qua. Tôi đề nghị Tòa tiếp tục hòa giải để vợ chồng tôi về đoàn tụ.”

Sau khi nhận được đơn của bà P về việc thay đổi ý kiến thỏa thuận tại Biên bản hòa giải thành ngày 03/01/2025, Tòa án đã 02 lần thông báo phiên hòa giải tại Tòa án cho bà P nhưng bà P đều vắng mặt tại Tòa án không có lý do.

Tại phiên tòa, bà P khai: Ông C có quan hệ với người khác nhưng bà P không có tài liệu, chứng cứ để giao nộp cho Tòa án. Theo bà P vợ chồng không có mâu thuẫn, ông C tự bỏ nhà đi từ tháng 01/2023 cho đến nay, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay ông C xin ly hôn, bà P không đồng ý vì bà P vẫn còn tình cảm với ông C và nghĩ cho các con mong muốn các con có cả bố và mẹ. Nếu phải ly hôn, bà P có nguyện vọng nuôi cả 02 con cho đến khi các con tròn 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con do ông C tự nguyện, bà P không yêu cầu. Về điều kiện nuôi con hiện nay: Bà P cùng 02 con có nơi ở ổn định tại: số 21, tổ dân phố số 10, phường M, quận H, thành phố H, bà P có công việc ổn định, hiện là Giám đốc Công ty cổ phần H, thu nhập trung bình 30.000.000 đồng/tháng; Về tài sản chung và nợ chung: Bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông C có ý kiến: Ông C giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn đối với bà P vì lý do quá trình C sống, bà P không tôn trọng ông C nên vợ chồng không hạnh phúc, không có tiếng nói C, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01/2023 đến nay, ông C không còn tình cảm với bà P nên vợ chồng không thể đoàn tụ được; Về con C: Ông C có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả 02 con khi ly hôn, không yêu cầu bà P cấp dưỡng nuôi con; Tại phiên tòa, bà P có nguyện vọng được nuôi cả 02 con, ông C đồng ý và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng)/tháng đối với cháu H kể từ tháng 4/2025 cho đến khi cháu H tròn 18 tuổi; Ông C hiện nay kinh doanh tự do, thu nhập trung bình 15.000.000 đồng/tháng; Về tài sản chung và nợ chung: Ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 28; 48; 35; 39; 203 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Về việc chấp hành pháp luật của Người tham gia tố tụng từ khi thụ lý

vụ án cũng như tại phiên tòa: Nguyên đơn, Bị đơn đã chấp hành đúng quy định tại các Điều 70; 71; 72 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân & Gia đình; Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Chu Văn C đối với bà Nguyễn Thị Bích P, cho ông C được ly hôn với bà P; Về con C: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cả 02 con C là: Cháu Chu Khánh N, sinh ngày 17/10/2008 và Chu Mạnh H, sinh ngày 15/12/2012 cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng khi ly hôn; Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của ông C cấp dưỡng nuôi con 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng)/tháng đối với cháu H kể từ tháng 4/2025 cho đến khi cháu H tròn 18 tuổi; Về tài sản chung và nợ chung: Ông C, bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Ông Chu Văn C là Nguyên đơn xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn đối với Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Bích P;

Đây là vụ án Hôn nhân & Gia đình, tranh chấp về ly hôn và nuôi con khi ly hôn theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng Dân sự. Bị đơn có địa chỉ nơi cư trú tại phường M, quận N, thành phố H, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn, Bị đơn đã chấp hành đúng quy định tại các Điều 70; 71; 72 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Quá trình giải quyết vụ án, xét thấy các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ các vấn đề có tranh chấp trong vụ án, ngày 03/01/2025 Tòa án đã lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành các vấn đề có tranh chấp trong vụ án do các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án;

Ngày 07/01/2025 bà Nguyễn Thị Bích P có đơn thay đổi ý kiến thỏa thuận tại Biên bản hòa giải thành ngày 03/01/2025 của Tòa án;

Sau khi nhận được đơn của bà P về việc thay đổi ý kiến thỏa thuận tại Biên bản hòa giải thành ngày 03/01/2025, Tòa án không ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự và đã 02 lần thông báo phiên hòa giải tại Tòa án, nhưng bà P đều vắng mặt không có lý do.

Căn cứ Khoản 1 Điều 212 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

[3] Về yêu cầu khởi kiện: Tại phiên tòa, ông Chu Văn C là nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn đối với bà Nguyễn Thị Bích P; Về con C: Ông C có nguyện vọng được nuôi cả 02 con là cháu Chu Mạnh H, sinh ngày 15/12/2012 và cháu Chu Khánh N, sinh ngày 17/10/2008. Ông C không yêu cầu bà P cấp dưỡng nuôi con C; Tại phiên tòa, bà P có nguyện vọng được nuôi cả 02 con khi ly hôn, ông C đồng ý và tự nguyện cấp dưỡng nuôi 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*)/tháng đối với cháu H kể từ tháng 4/2025 cho đến khi cháu H tròn 18 tuổi; Về tài sản chung và nợ chung: Ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy:

Về hôn nhân: Ông Chu Văn C và bà Nguyễn Thị Bích P kết hôn năm 2008 có tình cảm, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện C, tỉnh T, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông C giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với bà P vì lý do quá trình C sống, bà P không tôn trọng ông C nên vợ chồng không hạnh phúc, không có tiếng nói C, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01/2023 đến nay, ông C không còn tình cảm với bà P nên vợ chồng không thể đoàn tụ được;

Tại bản tự khai ngày 27/12/2025 bà P khai: *“Quá trình C sống tôi với anh C có nhiều mâu thuẫn từ phía anh C từ khi kết hôn đến nay. Hiện nay anh C đã bỏ nhà đi ở riêng từ cuối năm 2022 đến nay, vợ chồng cũng ly thân từ đó đến nay”*; Tại phiên tòa, bà P không đồng ý ly hôn với ông C vì bà P vẫn còn tình cảm với ông C và nghĩ cho các con mong muốn các con có cả bố và mẹ. Bà P cho rằng ông C có quan hệ với người khác nhưng bà P không có tài liệu, chứng cứ để giao nộp cho Tòa án. Theo bà P vợ chồng không có mâu thuẫn, nhưng xác nhận ông C tự bỏ nhà đi từ tháng 01/2023 cho đến nay, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Mâu thuẫn vợ chồng ông C, bà P đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống C không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, ông C xin ly hôn với bà P là có căn cứ nên áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân & Gia đình cho ông C được ly hôn với bà P.

Về con C: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông C và bà P xác nhận vợ chồng có 02 con C là: Cháu Chu Khánh N, sinh ngày 17/10/2008 và Chu Mạnh H sinh ngày 15/12/2012. Ông C có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả 02 con khi ly hôn, tại phiên tòa, bà P có nguyện vọng được nuôi cả 02 con khi ly hôn, ông C đồng ý và tự nguyện cấp dưỡng con 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*)/tháng đối với cháu H kể từ tháng 4/2025 cho đến khi cháu H tròn 18 tuổi;

Hội đồng xét xử nhận thấy: Nguyên vọng được trực tiếp nuôi con khi ly hôn của ông C và bà P là chính đáng, thể hiện quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con khi vợ chồng ly hôn. Xét điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con khi ly hôn của ông C và bà P như sau: Ông C và bà P đều có việc làm, có thu nhập ổn định, bà P có điều kiện về chỗ ở ổn định hơn ông C; Tại phiên tòa, ông C đồng ý giao cả 02 con cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng khi ly hôn. Để bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của 02 con khi ông C ly hôn với bà P, nên giao cả 02 con cho bà P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khi ly hôn, hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của ông C cấp dưỡng nuôi con 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*)/tháng đối với cháu H kể từ tháng 4/2025 cho đến khi cháu H tròn 18 tuổi, hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông C, bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Ông C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn và phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con;

[6] Về quyền kháng cáo; Ông C, bà P có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Từ những nhận định trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân & Gia đình; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Chu Văn C đối với bà Nguyễn Thị Bích P. Ông C được ly hôn với bà P.

2. Về con C: Giao cháu Chu Khánh N, sinh ngày 17/10/2008 và Chu Mạnh H, sinh ngày 15/12/2012 cho bà P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khi ly hôn, hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Ông C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của ông C cấp dưỡng nuôi con 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*)/tháng đối với cháu H kể từ tháng 4/2025 cho đến khi cháu H tròn 18 tuổi, hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Ông C, bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

5. Về án phí: Căn cứ vào Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều a, b Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy

ban thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Ông C phải chịu 300.000 đồng (*Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn và 300.000 đồng (*Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Ghi nhận ông C đã nộp 300.000 đồng (*Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án Dân sự quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội (*Theo Biên lai số: 0027821 ngày 25/12/2024*) được trừ vào tiền án phí trong vụ án ly hôn.

Ông C còn phải nộp 300.000 đồng (*Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

6. Về quyền kháng cáo: Ông C, bà P có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Q.Nam Từ Liêm;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- Chi cục THADS Q.Nam Từ Liêm;
- UBND xã Yên Nguyên, H.Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu HS-VP.

Đỗ Thị Lệ Thủy